

KẾ HOẠCH
phát triển đảng viên năm 2026

Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 30/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, góp phần củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, giai đoạn 2026-2030; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành kế hoạch phát triển đảng viên năm 2026 như sau:

1. Mục đích, yêu cầu

(1). Tiếp tục nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác xây dựng Đảng, trong đó chú trọng công tác phát triển đảng viên, coi đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của công tác xây dựng Đảng; trọng tâm là phát triển Đảng ở các chi bộ có ít đảng viên, chi bộ thuộc các xã khu biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng có tôn giáo; phát triển đảng viên trong các trường chuyên nghiệp, trung học phổ thông, doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, hợp tác xã, lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên. Nâng tỷ lệ trưởng thôn, bản, tổ dân phố, trưởng ban công tác Mặt trận là đảng viên ở những nơi còn thấp.

(2). Các cấp ủy, tổ chức đảng nghiêm túc thực hiện công tác phát triển đảng viên đảm bảo sát với tình hình thực tiễn của chi bộ, đảng bộ; đúng tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, thủ tục theo quy định, đồng thời đảm bảo về số lượng chỉ tiêu theo kế hoạch gắn với nâng cao chất lượng đảng viên và nhiệm vụ xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng.

2. Mục tiêu

Năm 2026 kết nạp đảng viên mới đạt từ 4% trở lên trên tổng số đảng viên trong toàn tỉnh (tương đương 2.000 đảng viên trở lên). Thành lập ít nhất 05 tổ chức đảng trong đơn vị kinh tế tư nhân (*chi tiết có Phụ lục chỉ tiêu kèm theo*).

3. Giải pháp, nhiệm vụ

(1). Tiếp tục quán triệt, thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đảng viên trong giai đoạn

mới; Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng; Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 30/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, góp phần củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, giai đoạn 2026-2030.

(2). Đề cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cấp ủy đối với công tác phát triển đảng viên; phân công rõ trách nhiệm của cấp ủy viên trong việc định hướng, đôn đốc triển khai thực hiện công tác phát triển đảng đối với tổ chức đảng, địa bàn dân cư được phân công phụ trách; chỉ đạo, thực hiện việc khảo sát, đánh giá, phân tích chất lượng quần chúng, phát hiện nguồn kết nạp Đảng để phát triển đảng viên; giao chỉ tiêu cụ thể đối với các tổ chức đảng trực thuộc đảm bảo tỷ lệ kết nạp đảng viên mới theo mục tiêu Nghị quyết đã đề ra; lấy kết quả thực hiện chỉ tiêu phát triển đảng là một trong những tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của tổ chức đảng, cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy hàng năm.

(3). Chỉ đạo việc phát động các phong trào thi đua yêu nước theo chủ đề gắn với thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, thường xuyên tổ chức các phong trào thi đua thu hút đoàn viên, hội viên tham gia; qua đó phát hiện quần chúng ưu tú để bồi dưỡng, phát triển đảng.

(4). Thúc đẩy phát triển đảng viên trong hệ thống các trường chuyên nghiệp, trung học phổ thông¹ và các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, hợp tác xã; chủ động rà soát, bồi dưỡng để kết nạp đảng viên là chủ doanh nghiệp tư nhân, trưởng thôn, bản, tổ dân phố, trưởng các đoàn thể ở cấp thôn, bản, dân quân tự vệ, dự bị động viên.

(5). Công tác phát triển đảng viên phải được triển khai thực hiện chặt chẽ, đúng tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, thủ tục theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền²; thực hiện công tác phát triển đảng viên đối với người tham gia sinh hoạt tôn giáo theo đúng Quy định số 06-QĐ/TW, ngày 28/8/2018 của Bộ Chính trị về “Một số điểm về kết nạp đảng viên đối với người theo tôn giáo và đảng viên là người theo tôn giáo tham gia sinh hoạt tôn giáo”; triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

¹ Đối với các tổ chức đảng trong hệ thống các cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp quan tâm thực hiện phát triển Đảng trong học sinh, sinh viên theo Quyết định số 2676/QĐ-BGDĐT ngày 24/9/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt Tài liệu hướng dẫn tổ chức công tác phát triển Đảng cho học sinh, sinh viên.

² Quy định số 294-QĐ/TW ngày 26/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thi hành Điều lệ Đảng; Hướng dẫn số 06-HD/TW ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng; Hướng dẫn số 38-HD/BTCTW, ngày 29/9/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về nghiệp vụ công tác đảng viên.

4. Tổ chức thực hiện

(1). Ban Thường vụ các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy căn cứ Kế hoạch này để xây dựng kế hoạch, tạo nguồn bồi dưỡng quần chúng ưu tú và giao chỉ tiêu cụ thể cho các tổ chức đảng trực thuộc đảm bảo kết nạp đảng viên mới năm 2026 đạt chỉ tiêu đề ra; kịp thời phối hợp, tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức cho đảng viên mới theo quy định; chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy thường xuyên theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra cấp ủy cơ sở triển khai thực hiện kế hoạch phát triển đảng viên, định kỳ (hàng quý, 6 tháng, năm) báo cáo kết quả về Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) để tổng hợp.

(2). Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này.

(3). Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thường xuyên nắm tình hình, kịp thời đôn đốc, chỉ đạo thực hiện Kế hoạch tại địa bàn được phân công phụ trách.

Nơi nhận:

- Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy (để báo cáo),
- Các đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Ủy viên BTV Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Lê Thành Đô

PHỤ LỤC
GIAO CHỈ TIÊU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN NĂM 2026
 (kèm theo Kế hoạch số 27-KH/TU, ngày 19/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)



Stt	Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy	Tổng số đảng viên	Chỉ tiêu kết nạp đảng viên năm 2026		Chỉ tiêu thành lập tổ chức đảng trong đơn vị kinh tế tư nhân	Ghi chú
			Tổng số (tối thiểu)	Đạt % so với tổng số đảng viên		
1	Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh	789	5	0,6%	-	
2	Đảng bộ UBND tỉnh	4.590	137	3,0%	-	
3	Đảng bộ Công an tỉnh	1.651	100	6,1%	-	
4	Đảng bộ Quân sự tỉnh	1.348	65	4,8%	-	
5	Đảng bộ phường Điện Biên Phủ	6.166	190	3,1%	1	
6	Đảng bộ phường Mường Thanh	1.931	77	4,0%	1	
7	Đảng bộ phường Mường Lay	1.318	53	4,0%	1	
8	Đảng bộ xã Na Sang	1.220	49	4,0%	1	
9	Đảng bộ xã Na Son	857	34	4,0%	-	
10	Đảng bộ xã Nà Hỳ	751	30	4,0%	-	
11	Đảng bộ xã Mường Nhé	1.068	45	4,2%	-	
12	Đảng bộ xã Tòa Chùa	1.351	54	4,0%	-	
13	Đảng bộ xã Mường Ảng	1.236	63	5,1%	-	
14	Đảng bộ xã Tuần Giáo	1.531	64	4,2%	1	
15	Đảng bộ xã Sín Thầu	546	22	4,0%	-	
16	Đảng bộ xã Mường Toong	430	18	4,2%	-	
17	Đảng bộ xã Nậm Kè	410	16	4,0%	-	
18	Đảng bộ xã Quảng Lâm	369	15	4,0%	-	
19	Đảng bộ xã Mường Chà	855	40	4,7%	-	
20	Đảng bộ xã Nà Búng	319	15	4,7%	-	
21	Đảng bộ xã Chà Tở	486	25	5,1%	-	
22	Đảng bộ xã Si Pa Phìn	495	20	4,0%	-	
23	Đảng bộ xã Mường Tùng	633	32	5,1%	-	
24	Đảng bộ xã Pa Ham	479	19	4,0%	-	
25	Đảng bộ xã Nậm Nèn	489	30	6,1%	-	
26	Đảng bộ xã Mường Pôn	635	25	4,0%	-	
27	Đảng bộ xã Sín Chải	647	33	5,1%	-	
28	Đảng bộ xã Sính Phình	952	40	4,2%	-	

Stt	Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy	Tổng số đảng viên	Chỉ tiêu kết nạp đảng viên năm 2026		Chỉ tiêu thành lập tổ chức đảng trong đơn vị kinh tế tư nhân	Ghi chú
			Tổng số (tối thiểu)	Đạt % so với tổng số đảng viên		
29	Đảng bộ xã Tòa Thành	513	21	4,0%	-	
30	Đảng bộ xã Sáng Nhè	929	40	4,3%	-	
31	Đảng bộ xã Quài Tở	870	35	4,0%	-	
32	Đảng bộ xã Mường Mùn	678	27	4,0%	-	
33	Đảng bộ xã Pú Nhung	640	26	4,0%	-	
34	Đảng bộ xã Chiềng Sinh	850	34	4,0%	-	
35	Đảng bộ xã Nà Tấu	982	49	5,0%	-	
36	Đảng bộ xã Búng Lao	999	50	5,0%	-	
37	Đảng bộ xã Mường Lạn	768	39	5,1%	-	
38	Đảng bộ xã Mường Phăng	1.038	42	4,0%	-	
39	Đảng bộ xã Thanh Nua	1.749	62	3,5%	-	
40	Đảng bộ xã Thanh An	1.221	49	4,0%	-	
41	Đảng bộ xã Thanh Yên	801	30	3,7%	-	
42	Đảng bộ xã Sam Mứn	518	21	4,0%	-	
43	Đảng bộ xã Núa Ngam	582	24	4,1%	-	
44	Đảng bộ xã Mường Nhà	697	22	3,2%	-	
45	Đảng bộ xã Xa Dung	643	22	3,4%	-	
46	Đảng bộ xã Pu Nhi	599	24	4,0%	-	
47	Đảng bộ xã Mường Luân	1.138	46	4,0%	-	
48	Đảng bộ xã Tà Dình	375	20	5,3%	-	
49	Đảng bộ xã Phình Giàng	439	20	4,6%	-	
	TỔNG CỘNG	50.581	2.017	4,0%	5	